

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-PT

Ngày 14 - 7 - 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ph .

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Ng

Bà Nguyễn Thị Thu T

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc M - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 04/2023/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 93/2022/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Sỹ N, sinh năm 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối Tân Hòa, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: B3-09-7, Chung cư Him Lam Chợ Lớn, phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối Tân Hòa, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Số nhà 39, Ngõ 5, đường Cao Bá Quát, khối 12, phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Phạm Sỹ Ph, sinh năm 1972 và chị Phạm Thị H, sinh năm 1973; địa chỉ: D10, Khu biệt thự Phương N, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; có mặt tại phiên tòa.

+ Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ 13, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng; có đơn đề nghị vắng mặt.

+ Chị Hoàng Thị Ph, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm 3, xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn đề nghị vắng mặt.

+ Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn Trung Văn, xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn đề nghị vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Phạm Sỹ N; chị Nguyễn Thị Hồng Nh; anh Phạm Sỹ Ph và chị Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, các lời khai, hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Phạm Sỹ N trình bày: Anh N và chị Nguyễn Thị Hồng Nh kết hôn với nhau vào ngày 15 tháng 4 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm. Nay, anh N nhận thấy không còn tình cảm với chị Nh nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nh.

Về con chung: Anh N và chị Nh có 02 con chung là Phạm Sỹ Trùng D, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2014 và Phạm Sỹ Minh Q, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2016. Khi ly hôn, anh N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp không được nuôi cả 02 con chung thì anh N có nguyện vọng xin nuôi con chung Phạm Sỹ Trùng D và không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh N yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng gồm: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 828, tờ bản đồ số 1, diện tích 265m² tại thôn Hải Hồng, xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 532002 ngày 22 tháng 01 năm 2014 mang tên anh N và chị Nh. Nguồn gốc thửa đất này của vợ chồng mua từ nguồn tiền cưới và tiền dạy thêm của anh N, anh N đề nghị chia đôi thửa đất này. Trường hợp không tách thửa đất trên thành 02 thửa thì anh N có nguyện vọng được lấy đất và bù phần đất giá trị còn lại bằng tiền cho chị Nh. Đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 866, tờ bản đồ số 14, diện tích 86,4m² và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 193923 ngày 04 tháng 5 năm 2015 theo dự án khu nhà ở Mega Ruby, số 70, đường D3, khu phố 2, phường Phú Hữu, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, nguồn gốc thửa đất này là do anh N thế chấp quyền sử dụng đất số 117, tờ bản đồ số 74 tại khối Tân Hòa, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An là tài sản riêng của anh N có trước thời kỳ hôn nhân vay ngân hàng số tiền 2.344.000.000 đồng để mua quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Đây là tài sản anh N mua trong thời kỳ hôn nhân nhưng là tài sản phát sinh từ nguồn tiền của gia đình ông Phạm Sỹ Phu (bố của anh N) và anh Phạm Sỹ Phúc (anh trai của anh N) là tài sản có trước thời kỳ hôn nhân nên anh N đề nghị xác định đây là tài sản riêng

của gia đình anh N và đề nghị Tòa án giao cho anh N được sở hữu và sử dụng. Đối với căn hộ chung cư B3-09-7, tầng 9, Block B3 thuộc dự án khu căn hộ Him Lam Chợ Lớn, diện tích 97,2 m² tại phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán số 158/11/2014/HĐMB-HCLC ngày 15 tháng 11 năm 2014, đây là tài sản của anh Phạm Sỹ Ph và chị Phạm Thị H (anh rể và chị gái của anh N). Do lúc mua, anh Phi, chị Hoài bận công việc nên nhờ anh N đứng tên mua nhà, nguồn tiền mua căn hộ trên là do anh Phi, chị Hoài chuyển cho anh N bằng hình thức chuyển tiền mặt và chuyển khoản theo từng đợt với tổng số tiền 1.800.000.000 đồng. Nay, anh Phi và chị Hoài yêu cầu anh N, chị Nh trả lại căn hộ này cho anh Phi, chị Hoài thì anh N đồng ý.

Chị Nguyễn Thị Hồng Nh trình bày: Chị Nh thừa nhận điều kiện, thời gian vợ chồng kết hôn, thời gian chung sống, mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như anh N đã trình bày. Nay, anh N làm đơn xin ly hôn, chị Nh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Nh xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Sỹ Trùng D, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2014 và Phạm Sỹ Minh Q, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2016 như anh N đã trình bày. Ly hôn, chị Nh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và chỉ yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 01 con chung 7.000.000 đồng/tháng, kể từ khi giải quyết xong vụ án đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành. Nếu trường hợp được nuôi 01 con, chị Nh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 828, tờ bản đồ số 1, diện tích 265m² tại thôn Hải Hồng, xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 532002 ngày 22 tháng 01 năm 2014 mang tên anh N, chị Nh là tài sản chung của vợ chồng, nguồn gốc thửa đất mua từ nguồn tích góp của vợ chồng, chị Nh đề nghị chia đôi thửa đất này. Trường hợp không tách thửa đất trên thành 02 thửa thì chị Nh có nguyện vọng được lấy đất và bù phần giá trị còn lại bằng tiền cho anh N.

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 866, tờ bản đồ số 14, diện tích 86,4m² và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 193923 ngày 04 tháng 5 năm 2015 theo dự án khu nhà ở Mega Ruby, Số 70, đường D3, Khu phố 2, phường Phú Hữu, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, nguồn gốc thửa đất và tài sản trên đất này là do vợ chồng tích góp được để mua nên đây là tài sản chung của vợ chồng. Chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi quyền sử dụng đất và nhà ở trên đất, chị Nh có nguyện vọng được ở trên ngôi nhà đó và bù phần giá trị còn lại bằng tiền cho anh N.

Căn hộ chung cư B3-09-7, tầng 9, Block B3 thuộc dự án khu căn hộ Him Lam Chợ Lớn, diện tích 97,2m² tại phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán số 158/11/2014/HĐMB-HLCL ngày 15 tháng 11 năm 2014, nguồn gốc căn hộ này do vợ chồng tích góp tiền để mua nên đây là tài sản chung của vợ chồng. Thời điểm đặt cọc tiền mua căn hộ, chị Nh đang mang bầu

và sinh con nhỏ tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nên nhờ anh Phi (anh rể của anh N) đứng ra đặt cọc tiền để mua nhà, anh Phi chỉ là người đứng ra đặt cọc còn người đứng tên mua nhà là anh N. Nay, chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi giá trị căn hộ trên và có nguyện vọng được lấy ngôi nhà và bù phần giá trị còn lại bằng tiền cho anh N. Đối với yêu cầu của anh Phi và chị Hoài trả lại căn hộ trên cho anh Phi, chị Hoài, chị Nh không đồng ý vì chị Nh cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Sỹ Ph và chị Phạm Thị H trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ngày 16 tháng 11 năm 2014, anh Phi là anh rể của anh Phạm Sỹ N đã đứng ra đặt cọc mua căn hộ chung cư B3-9-07, tầng 9, Block B3 thuộc dự án khu căn hộ Him Lam Chợ Lớn, diện tích 97,2m² tại phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. Theo anh Phi, anh là người ký tên trong thỏa thuận đặt cọc cũng như biên nhận tiền đặt cọc, trong bản thỏa thuận đặt cọc để thực hiện hợp đồng. Anh Phi cũng đã yêu cầu chủ đầu tư tất cả mọi thông tin liên quan qua số điện thoại của anh Phi, trường hợp không liên lạc thì liên lạc với anh N, minh chứng trong Bản thỏa thuận đặt cọc số 288/11/2014/TTĐC-HLCL ngày 16 tháng 11 năm 2014 có xác nhận của chủ đầu tư. Do điều kiện ở xa, không tiện trong việc đi lại nhiều lần để ký hợp đồng nên anh Phi có nhờ anh N đại diện ký hợp đồng mua bán, đứng tên trong giấy chứng nhận và thực hiện giao nộp tiền theo tiến độ, minh chứng số tiền vợ chồng anh Phi đã chuyển qua tài khoản, có sao kê tài khoản nhận tiền của anh N và giấy nộp tiền vào tài khoản mỗi lần chuyển của vợ chồng anh Phi, những người trả nợ cho anh Phi và khoản vợ chồng anh Phi vay cũng chuyển vào tài khoản của anh N. Ngoài ra, vợ chồng anh Phi còn giao tiền mặt cho anh N để nộp theo tiến độ của hợp đồng. Tổng số tiền vợ chồng anh Phi đã chuyển vào tài khoản của anh N và giao tiền mặt cho anh N là 1.992.447.000 đồng; cụ thể, tổng số tiền chuyển khoản của anh Phi, chị Hoài chuyển vào tài khoản anh N là 840.000.000 đồng, tiền mặt chị Hoài giao cho anh N là 630.447.000 đồng, ông Chát chuyển trả vay của vợ chồng anh Phi 120.000.000 đồng, chị Phụng trả vay vợ chồng anh Phi 100.000.000 đồng, chị Hoài vay chị Phụng 100.000.000 đồng và vay bà Thanh 202.000.000 đồng để chuyển cho anh N. Hiện nay, anh N yêu cầu ly hôn, chia tài sản với chị Nh, chị Nh yêu cầu chia căn hộ chung cư B3-09-7, tầng 9, Block B3 thuộc dự án khu căn hộ Him Lam Chợ Lớn, diện tích 97,2m² tại phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh đứng tên anh N, anh Phi, chị Hoài không đồng ý vì trên thực tế căn hộ này không phải là tài sản chung của vợ chồng anh N, chị Nh mà là tài sản của vợ chồng anh Phi, chị Hoài. Vì vậy, vợ chồng anh Phi, chị Hoài đề nghị Tòa án buộc anh N, chị Nh thực hiện nghĩa vụ chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn hộ nêu trên sang tên anh Phi.

Chị Phạm Thị Th trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị Thanh là chị gái của chị Phạm Thị H (vợ của anh Phạm Sỹ Ph). Vào khoảng thời gian đầu năm 2015, anh Phi có đặt vấn đề vay tiền của chị Thanh để mua nhà tại thành phố Hồ Chí Minh, anh Phi đề nghị chị Thanh chuyển tiền thanh toán căn hộ 03 đợt, tất các các lần anh Phi vay của chị Thanh đều đề nghị chuyển toàn bộ số

tiền vay vào tài khoản số 3600215002804 của anh N thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Cụ thể: Ngày 12 tháng 02 năm 2015, chị Thanh chuyển 15.000.000 đồng; ngày 26 tháng 02 năm 2015, chị Thanh chuyển 96.000.000 đồng; ngày 02 tháng 10 năm 2015, chị Thanh chuyển 91.000.000 đồng; tổng cộng, chị Thanh đã cho anh Phi vay 202.000.000 đồng và toàn bộ số tiền vay này đều chuyển vào tài khoản của anh N. Hiện nay, anh Phi đã trả cho chị Thanh toàn bộ số tiền trên nên chị Thanh không có ý kiến gì.

Chị Hoàng Thị Ph trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị Phụng xác nhận có chuyển vào tài khoản của anh Phạm Sỹ N 02 lần với tổng số tiền 200.000.00 đồng theo yêu cầu của anh Phạm Sỹ Ph. Cụ thể, các lần chuyển tiền là ngày 06 tháng 3 năm 2015, chuyển 100.000.000 đồng và ngày 22 tháng 10 năm 2015, chuyển 100.000.000 đồng.

Ông Trần Văn Ch trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ông Chát xác nhận đã chuyển vào tài khoản của anh Phạm Sỹ N số tiền 120.000.000 đồng vào ngày 08 tháng 5 năm 2015 theo yêu cầu của anh Phạm Sỹ Ph để trả nợ cho anh Phi.

Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 93/2022/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ các Điều 33, 43, 56, 58, 59, 60, 62, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Sỹ N được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Nh.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Sỹ Trùng D, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2014 cho anh Phạm Sỹ N trực tiếp nuôi dưỡng; giao cho chung Phạm Sỹ Minh Q, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản:

- + Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh được quyền sử dụng thửa đất số 828, tờ bản đồ số 1, diện tích 265m² tại thôn Hải Hồng, xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 532002 ngày 22 tháng 01 năm 2014 mang tên anh Phạm Sỹ N và chị Nguyễn Thị Hồng Nh và được nhận số tiền trích chia tài sản từ anh Phạm Sỹ N là 657.603.348 đồng.

- + Giao cho anh Phạm Sỹ N được quyền sử dụng diện tích 86,4m² đất tại thửa đất số 866, tờ bản đồ số 14 thuộc dự án khu nhà ở Mega Ruby, Số 70,

đường D3, khu phố 2, phường Phú Hữu, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh và sở hữu tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 193923 ngày 04 tháng 5 năm 2015.

+ Giao cho anh Phạm Sỹ N được quyền sử dụng, sở hữu căn hộ chung cư B3-09-7, tầng 9, Block B3 thuộc dự án Khu căn hộ Him Lam Chợ Lớn, diện tích 97,2m² tại phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán số 158/11/2014/HĐMB-HLCL ngày 15 tháng 11 năm 2014.

+ Anh Phạm Sỹ N phải trích chia giá trị tài sản cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh số tiền 657.603.348 đồng.

+ Anh Phạm Sỹ N có nghĩa vụ thanh toán cho anh Phạm Sỹ Ph và chị Phạm Thị H 1.834.000.000.000 đồng giá trị vốn góp đối với căn hộ chung cư B3-09-7, tầng 9, Block B3 thuộc dự án Khu căn hộ Him Lam Chợ Lớn, diện tích 97,2m² tại phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán số 158/11/2014/HĐMB-HLCL ngày 15 tháng 11 năm 2014.

+ Anh Phạm Sỹ Ph và chị Phạm Thị H được nhận từ anh Phạm Sỹ N 1.834.000.000 đồng giá trị vốn góp đối với căn hộ chung cư B3-09-7, Tầng 9, Block B3 thuộc dự án Khu căn hộ Him Lam Chợ Lớn, diện tích 97,2m² tại phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán số 158/11/2014/HĐMB-HLCL ngày 15 tháng 11 năm 2014

Ngoài ra, Bản án có tuyên về lỗi suất do chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, anh Phạm Sỹ N kháng cáo không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm về phân chia tài sản, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm phân chia lại tài sản là căn hộ chung cư B3-907, tầng 9, chung cư Him Lam Chợ Lớn, tại phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh và thửa đất số 886, khu nhà ở Mega Ruby, số 70, đường D3, khu phố 2, phường Phú Hữu, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022, chị Nguyễn Thị Hồng Nh kháng cáo không đồng ý quyết định của Bản án sơ thẩm về giao con chung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chị Nh được nhận nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung Phạm Sỹ Trùng D và Phạm Sỹ Minh Q, chị Nh không yêu cầu anh Phạm Sỹ N cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chia đôi khối tài sản chung là căn hộ B3-09-7 thuộc dự án khu căn hộ chung cư Him Lam Chợ Lớn, phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh và thửa đất số 866, tờ bản đồ số 14, diện tích 86,4m² và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 193923 ngày 04 tháng 5 năm 2015 tại dự án khu nhà ở Mega Ruby, số 70, đường D3, khu phố 2, phường Phú Hữu, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh cho chị Nh được hưởng ½ khối tài sản.

Ngày 03 tháng 12 năm 2022, anh Phạm Sỹ Ph và chị Phạm Thị H kháng cáo không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm về căn hộ chung cư B3-09-7, chung cư Him Lam Chợ Lớn, tại phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh; tài sản này là của vợ chồng anh Phi, chị Hoài nhờ anh N mua hộ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Phạm Sỹ N giữ nguyên nội dung khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Nh, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Sỹ Ph và chị Phạm Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định pháp luật.

Về thủ tục kháng cáo: Anh Phạm Sỹ N, chị Nguyễn Thị Hồng Nh, anh Phạm Sỹ Ph, chị Phạm Thị H kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hồng Nh, anh Phạm Sỹ N và vợ chồng ông Phạm Sỹ Ph, bà Phạm Thị H; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phần nghĩa vụ án phí về chia tài sản đối với các đương sự chưa đúng nên đề nghị Hội đồng phúc thẩm sửa lại cho phù hợp.

Các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã hỏi các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Anh Phạm Sỹ N và chị Nguyễn Thị Hồng Nh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An ngày 15 tháng 4 năm 2013. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh N khởi kiện yêu cầu ly hôn, chị Nh đồng ý, Tòa án cấp sơ thẩm cho ly hôn giữa anh Phạm Sỹ N và chị Nguyễn Thị Hồng Nh.

[3] Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hồng Nh về quan hệ nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng anh Phạm Sỹ N và chị Nguyễn Thị Hồng Nh có 02 con chung là cháu Phạm Sỹ Trùng D, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2014 và cháu Phạm Sỹ Minh Q, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2016. Việc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là quyền cũng là nghĩa vụ của vợ chồng sau khi ly hôn. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại Tòa án cấp phúc thẩm cả chị Nh và anh N đều có nguyện vọng nuôi các con chung,

đây là nguyện vọng chính đáng anh N, chị Nh khi ly hôn. Xét thấy: Chị Nh và anh N đều có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Căn cứ điều kiện của các bên và nhu cầu về mọi mặt cho các cháu, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cho chị Nh, anh N mỗi người trực tiếp nuôi một con chung là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N, chị Nh không thỏa thuận được với nhau về nuôi con chung. Do đó nội dung kháng cáo, yêu cầu được nuôi cả hai con chung của chị Nh, không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về quan hệ nuôi con chung.

[4] Xét kháng cáo về chia tài sản chung của anh Phạm Sỹ N, chị Nguyễn Thị Hồng Nh và vợ chồng anh Phạm Sỹ Ph, chị Phạm Thị H, thấy rằng:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện các tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Phạm Sỹ N và chị Nguyễn Thị Hồng Nh gồm: Thửa đất số 828, tờ bản đồ số 1, diện tích 265m² tại thôn Hải Hồng, xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 532002 ngày 22 tháng 01 năm 2014 mang tên anh Phạm Sỹ N và chị Nguyễn Thị Hồng Nh; thửa đất số 866, tờ bản đồ số 14, diện tích 86,4m² thuộc dự án khu nhà ở Mega Ruby, Số 70, đường D3, khu phố 2, phường Phú Hữu, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh và sở hữu tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 193923 ngày 04 tháng 5 năm 2015 và căn hộ chung cư B3-09-7, tầng 9, Block B3 thuộc dự án khu căn hộ Him Lam Chợ Lớn, diện tích 97,2m² tại phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán số 158/11/2014/HĐMB-HLCL ngày 15 tháng 11 năm 2014. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các tài sản này là tài sản chung của vợ chồng anh N, chị Nh được hình thành trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.1] Đối với thửa đất số 828, tờ bản đồ số 1, diện tích 265m² tại thôn Hải Hồng, xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh được quyền sử dụng và buộc chị Nh phải trích chia chênh lệch $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho anh Phạm Sỹ N, số tiền 205.905.000 đồng là có căn cứ, các đương sự không có kháng cáo về tài sản này.

[4.2] Đối với thửa đất số 866, tờ bản đồ số 14, diện tích 86,4m² và tài sản trên đất thuộc dự án khu nhà ở Mega Ruby, số 70, đường D3, khu phố 2, phường Phú Hữu, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, có tổng giá trị 4.200.083.481 đồng, căn cứ các tài liệu liên quan do anh Phạm Sỹ N cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án thì anh N đã thế chấp thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34 tại khối Tân Hòa, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (là tài sản riêng của anh N, do bố mẹ của anh N để lại) vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt N - Chi nhánh Vinh số tiền 2.344.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng thửa đất này. Sau đó, anh N chuyển nhượng thửa đất số 117 và một thửa đất khác được cấp năm 2004 để trả nợ khoản vay này. Chị Nguyễn Thị Hồng Nh cho rằng nguồn gốc thửa đất số 866 và tài sản trên đất là do vợ chồng tích góp để nhận chuyển nhượng được. Xét thấy, thửa đất số 117, tờ bản đồ số 34, diện tích 261,75m² tại khối Tân Hòa, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh,

tỉnh Nghệ An được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 983074 ngày 25 tháng 3 năm 2008 cho anh Phạm Sỹ N, là tài sản của anh N hình thành trước thời kỳ hôn nhân. Trong thời kỳ hôn nhân, anh N và chị Nh không có thỏa thuận về việc nhập tài sản riêng thành tài sản chung vợ chồng nên thửa đất vẫn là tài sản riêng của anh N. Ngày 20 tháng 01 năm 2015, anh N, chị Nh ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 05TC15/HĐ-VIN-GD1 thế chấp thửa đất để bảo đảm cho khoản vay 2.344.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 23TD15/HĐ-VIN-GDI ngày 20 tháng 01 năm 2015 và dùng số tiền vay này để nhận chuyển nhượng thửa đất số 866 và sau đó anh N đã bán thửa đất là tài sản của anh N có trước thời kỳ hôn nhân trả toàn bộ số nợ cho ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh N là người có công sức đóng góp phần lớn để tạo lập nên thửa đất số 886, xác định anh N được hưởng 90% giá trị tài sản, chị Nh được hưởng 10% giá trị tài sản, giao toàn bộ nhà đất cho anh N sử dụng và buộc anh N phải trích trả giá trị tài sản cho chị Nh là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh N và chị Nh.

[4.3] Đối với căn hộ chung cư B3-09-7, tầng 9, Block B3 thuộc dự án Khu căn hộ Him Lam Chợ Lớn, diện tích 97,2m² tại phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2014, anh Phạm Sỹ N là người đứng tên trực tiếp ký Hợp đồng mua bán số 158/11/2014/HĐMB-HLCL với Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Him Lam để nhận chuyển nhượng căn hộ này với giá 2.021.323.000 đồng. Anh N đã thanh toán đầy đủ giá trị căn hộ và Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Him Lam đã bàn giao căn hộ này cho anh N. Căn cứ tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của anh N, anh Phạm Sỹ Ph và chị Phạm Thị H thì nguồn tiền để mua căn hộ này là do anh Phi và chị Hoài bỏ ra, thể hiện ở các lần chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng với tổng số tiền 1.363.000.000 đồng, tương đương với 67,43% giá trị căn hộ. Anh Phi, chị Hoài cho rằng anh N chỉ là người được anh Phi, chị Hoài nhờ đứng tên trên giấy chứng nhận nhưng không có tài liệu, chứng cứ hợp pháp để chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh Phi, chị Hoài được hưởng 1.834.000.000 đồng, tương đương với 67,43% giá trị căn hộ tại thời điểm xét xử sơ thẩm, giao cho anh N được quyền sở hữu sử dụng căn hộ và buộc anh N trích trả cho anh Phi, chị Hoài 1.834.000.000 đồng và trích chia cho chị Nh bằng ½ trị giá còn lại 443.500.000 đồng là phù hợp. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh N, chị Nh, anh Phi và chị Hoài đối với căn hộ này.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định và phân chia tài sản cho vợ chồng sau khi khấu trừ các khoản nghĩa vụ chị Nh được hưởng có tổng trị giá là 1.069.413.348 đồng; anh N được chia 4.429.480.133 đồng nhưng buộc anh N, chị Nh chịu án phí dân sự sơ thẩm chưa đúng. Do đó, một phần nội dung kháng cáo của chị Nh về án phí là có căn cứ cần chấp nhận sửa bản án sơ thẩm cho phù hợp.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh Phạm Sỹ N, anh Phạm Sỹ Ph và chị Phạm Thị H không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm. Kháng cáo của chị Nh được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn trả lại.

[6] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Sỹ N, anh Phạm Sỹ Ph và chị Phạm Thị H; chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hồng Nh về án phí sơ thẩm; sửa Bản án sơ thẩm về án phí.

Áp dụng các Điều 33, 43, 58, 59, 60, 62, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Sỹ Trùng D, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2014 cho anh Phạm Sỹ N trực tiếp nuôi dưỡng; giao cho chung Phạm Sỹ Minh Q, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về tài sản:

+ Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh được quyền sử dụng thửa đất số 828, tờ bản đồ số 1, diện tích 265m² tại thôn Hải Hồng, xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 532002 ngày 22 tháng 01 năm 2014 mang tên anh Phạm Sỹ N và chị Nguyễn Thị Hồng Nh và được nhận số tiền trích chia tài sản từ anh Phạm Sỹ N là 657.603.348 đồng (Sáu trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm linh ba nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng).

+ Giao cho anh Phạm Sỹ N được quyền sử dụng diện tích 86,4m² đất tại thửa đất số 866, tờ bản đồ số 14 thuộc dự án khu nhà ở Mega Ruby, số 70, đường D3, khu phố 2, phường Phú Hữu, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh và sở hữu tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 193923 ngày 04 tháng 5 năm 2015.

+ Giao cho anh Phạm Sỹ N được quyền sử dụng, sở hữu căn hộ chung cư B3-09-7, tầng 9, Block B3 thuộc Dự án khu căn hộ Him Lam Chợ Lớn, diện tích 97,2m² tại phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán số 158/11/2014/HĐMB-HLCL ngày 15 tháng 11 năm 2014.

+ Anh Phạm Sỹ N phải trích chia giá trị tài sản cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh số tiền 657.603.348 đồng (Sáu trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm linh ba nghìn, ba trăm bốn mươi tám đồng).

+ Anh Phạm Sỹ N có nghĩa vụ thanh toán cho anh Phạm Sỹ Ph và chị Phạm Thị H 1.834.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm ba mươi tư triệu đồng) giá trị vốn góp đối với căn hộ chung cư B3-09-7, tầng 9, Block B3 thuộc Dự án khu căn hộ Him Lam Chợ Lớn, diện tích 97,2m² tại phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán số 158/11/2014/HĐMB-HLCL ngày 15 tháng 11 năm 2014.

+ Anh Phạm Sỹ Ph và chị Phạm Thị H được nhận từ anh Phạm Sỹ N 1.834.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm ba mươi tư triệu đồng) giá trị vốn góp đối với căn hộ chung cư B3-09-7, tầng 9, Block B3 thuộc Dự án khu căn hộ Him Lam Chợ Lớn, diện tích 97,2m² tại phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán số 158/11/2014/HĐMB-HLCL ngày 15 tháng 11 năm 2014.

Chị Nguyễn Thị Hồng Nh có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục về đất đai sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Anh Phạm Sỹ N có quyền, nghĩa vụ đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục về đất đai sau khi thực hiện nghĩa vụ trích trả giá trị tài sản cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh và thanh toán giá trị vốn góp cho anh Phạm Sỹ Ph, chị Phạm Thị H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Sỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 116.294.800 đồng án phí chia tài sản nhưng được khấu trừ 900.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

theo Biên lai số AA/2018/0003109 ngày 15/3/2019 (300.000 đồng) và biên lai số AA/2019/0002901 ngày 24/6/2020 (600.000 đồng).

Chị Nguyễn Thị Hồng Nh phải chịu 44.082.300 đồng án phí chia tài sản nhưng được khấu trừ 28.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số AA/2019/0000665 ngày 02/10/2019.

Trả lại cho anh Phạm Sỹ Ph và chị Phạm Thị H 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số AA/2020/0003371 ngày 15/4/2021.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Phạm Sỹ N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0010460 ngày 06 tháng 12 năm 2022

Anh Phạm Sỹ Ph và chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0010491 ngày 06 tháng 12 năm 2022.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0010456 ngày 15 tháng 11 năm 2022;

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thành phố Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ph

